

Bản án số: 54/2024/HNGĐ-ST
Ngày 26 tháng 7 năm 2024
V/v "tranh chấp hôn nhân và gia đình"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH A

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa Phiên tòa: Ông Nguyễn Việt Anh;

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Bùi Thị Hảo;

Bà Nguyễn Thị Phạm

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Hoa - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh A.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh A tham gia phiên tòa:** Bà Lê Thị Thanh Hải - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 7 năm 2024 tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh A tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 60/2024/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 4 năm 2024 về việc "tranh chấp hôn nhân và gia đình" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 70/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 6 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2024/QĐST-HNGĐ ngày 19 tháng 7 năm 2024 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Chị Hoàng Thị Phương G, sinh năm 1996,

ĐKHKTT: xóm Ô, xã V, huyện C, tỉnh A.

Hiện nay đang ở nước ngoài.

- **Bị đơn:** Anh Hoàng Minh P, sinh năm 1995,

ĐKHKTT: xóm T, xã Đ, huyện C, tỉnh A.

Hiện nay đang ở nước ngoài.

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

Ông Hoàng Văn T, sinh năm 1950;

Bà Bùi Thị T, sinh năm 1956.

ĐKHKTT: xóm T, xã Đ, huyện C, tỉnh A.

(Chị G, ông T, bà T có đơn xin xét xử vắng mặt; anh P vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai T theo nguyên đơn chị Hoàng Thị Phương G trình bày: chị G và anh Hoàng Minh P tự nguyện đăng ký kết hôn với nhau ngày 27/11/2015 tại Ủy ban nhân dân xã Điều Lương, huyện Cẩm Khê, tỉnh A. Thời gian đầu sau khi kết hôn vợ chồng anh chị chung sống hạnh phúc. Sau đó một thời gian cả hai vợ chồng anh chị đều đi lao động ở nước ngoài, trong thời

gian ở nước ngoài giữa hai vợ chồng anh chị thường xuyên xảy ra nhiều mâu thuẫn trầm trọng dẫn đến tình cảm vợ chồng ngày càng xa cách. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị G đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ giải quyết cho chị được ly hôn với anh Hoàng Minh P.

Về con chung: Chị Hoàng Thị Phương G xác định trong thời kỳ hôn nhân vợ chồng anh chị có 01 con chung là cháu Hoàng Khánh L, sinh ngày 29/01/2015. Khi ly hôn chị G đề nghị Tòa án giao cháu L cho anh Hoàng Minh P trực T chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Hiện nay anh P đang ở nước ngoài, chị G đề nghị Tòa án tạm giao cháu L cho ông Hoàng Văn T và bà Bùi Thị T (bố mẹ đẻ anh P) chăm sóc, nuôi dưỡng cháu L trong thời gian anh P ở nước ngoài cho đến khi anh P trở về Việt Nam.

Về cấp dưỡng nuôi con: chị G tự nguyện cấp dưỡng nuôi con với số tiền là 2.000.000đ (Hai triệu đồng)/01 tháng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung, công nợ, công sức đóng góp: chị Hoàng Thị Phương G không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về án phí ly hôn và các chi phí tố tụng khavs: Chị Hoàng Thị Phương G tự nguyện xin chịu toàn bộ.

Chị Hoàng Thị Phương G đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải và đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt mình.

Chị Hoàng Thị Phương G trình bày hiện nay chị không biết địa chỉ cụ thể của anh P ở nước ngoài nên chị không thể cung cấp địa chỉ của anh P cho Tòa án được. Chị G đề nghị Tòa án xác minh địa chỉ của anh P ở nước ngoài thông qua mẹ đẻ của anh P là ông Hoàng Văn T và bà Bùi Thị T.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Hoàng Văn T và bà Bùi Thị T trình bày:* ông bà là bố mẹ đẻ của anh Hoàng Minh P. Hiện nay anh P đang ở Đài Loan. Ông T, bà T vẫn thường xuyên liên lạc với anh P qua điện thoại nhưng ông bà không biết địa chỉ cụ thể của anh P ở chỗ nào tại Đài Loan vì anh P không nói cho ông bà biết. Do vậy ông T, bà T không thể cung cấp được địa chỉ cụ thể hiện nay của anh P cho Tòa án. Ông T, bà T cũng đã nhận thay và thông báo về nội dung các văn bản tố tụng của Tòa án cho anh P được biết. Việc chị G làm đơn xin ly hôn anh P ông bà đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Về con chung: ông T, bà T khẳng định anh P và chị G có 01 con chung là cháu Hoàng Khánh L, sinh ngày 29/01/2015. Hiện nay cháu L đang được ông bà chăm sóc, nuôi dưỡng trực T. Ông T, bà T cũng đã thông báo cho anh P biết về yêu cầu khởi kiện của chị G và anh P có nói lại với ông bà là hiện nay anh P đang ở nước ngoài không thể về Việt Nam giải quyết ly hôn được nên anh P đề nghị Tòa án giải quyết việc ly hôn giữa anh chị theo quy định pháp luật. Về vấn đề con chung anh P nhất trí với yêu cầu của chị G, do anh đang ở nước ngoài nên anh P ủy quyền cho ông T, bà T thay mặt anh chăm sóc, nuôi dưỡng cháu L cho đến khi anh P trở về Việt Nam. Ông T, bà T cũng hoàn toàn nhất trí với nguyện vọng về con chung của anh P. Ông bà đề nghị Tòa án giao cháu L cho anh P chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục sau khi chị G, anh P ly hôn và tạm giao cháu L cho ông

bà được T tục chăm sóc, nuôi dưỡng trong thời gian anh P ở nước ngoài. Trong thời gian ông T, bà T nuôi dưỡng, chăm sóc cháu L ông bà không yêu cầu ai phải cấp dưỡng nuôi con.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh A phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án theo đúng quy định trình tự của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 110, Điều 116, Điều 117, Điều 123, Điều 127 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, tạm ứng án phí, tạm ứng lệ phí Tòa án:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Hoàng Thị Phương G.

Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Hoàng Thị Phương G ly hôn anh Hoàng Minh P.

Về con chung: Giao cháu Hoàng Khánh L - Sinh ngày 29/01/2015 cho anh Hoàng Minh P trực T chăm sóc, nuôi dưỡng. Trong thời gian anh P ở nước ngoài, tạm giao cháu L cho ông Hoàng Văn T và bà Bùi Thị T chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi anh P trở về Việt Nam.

Chị Hoàng Thị Phương G tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung là 2.000.000đ (Hai triệu đồng)/tháng cho đến khi cháu L đủ 18 tuổi. Phương thức cấp dưỡng định kỳ hàng tháng.

Về án phí: Chị Hoàng Thị Phương G phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Nguyên đơn chị Hoàng Thị Phương G nộp đơn xin được ly hôn với anh Hoàng Minh P tại Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ. Xét đơn khởi kiện đề ngày 05/3/2024 của chị G có chứng thực của Văn phòng kinh tế văn hóa Việt Nam tại Đài Bắc. Trong đơn khởi kiện chị G trình bày anh P hiện đang sinh sống, làm việc ở nước ngoài. Tại văn bản số 11330/QLXNC-P3 ngày 29/5/2024 của Cục quản lý xuất nhập cảnh - Bộ công an đã xác nhận: "*Hoàng Minh P, sinh ngày*

12/4/1995, đã xuất nhập cảnh 03 lần, xuất cảnh gần nhất ngày 15/3/2023, hiện chưa có thông tin nhập cảnh về nước”. Căn cứ khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh A.

Trong vụ án này chị G và anh P đều không có mặt ở Việt Nam. Chị G đã có đơn đề nghị không tiến hành hòa giải nên Tòa án không tiến hành hòa giải được theo quy định tại khoản 2, 4 Điều 207 của Bộ luật tố tụng dân sự. Do vậy, Tòa án tiến hành đưa vụ án ra xét xử là đúng với quy định của pháp luật.

Chị G và ông T, bà T đều có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Anh P đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[2] Về nội dung vụ án:

- Về quan hệ hôn nhân: chị Hoàng Thị Phương G và anh Hoàng Minh P kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật, anh chị đăng ký kết hôn với nhau ngày 27/11/2015 tại Ủy ban nhân dân xã Điều Lương, huyện Cẩm Khê, tỉnh A. Đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, thời gian đầu cuộc sống hôn nhân giữa vợ chồng anh chị luôn hòa thuận, yêu thương nhau. Sau đó, trong quá trình chung sống giữa vợ chồng anh chị thường xuyên xảy ra nhiều mâu thuẫn trầm trọng. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị G đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ giải quyết cho chị được ly hôn với anh Hoàng Minh P. Hội đồng xét xử thấy rằng chị G và anh P đã không còn chung sống cùng với nhau, vợ chồng sống ly thân đã một thời gian dài, không có sự quan tâm chia sẻ lẫn nhau trong cuộc sống gia đình nên phát sinh nhiều mâu thuẫn. Xét thấy mục đích hôn nhân không đạt được nên việc chị Hoàng Thị Phương G đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Hoàng Minh P là có căn cứ phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình. Do đó đề nghị xin ly hôn của chị G được chấp nhận.

Anh Hoàng Minh P hiện nay đang ở nước ngoài, chị Hoàng Thị Phương G chỉ cung cấp được địa chỉ nơi cư trú cuối cùng của anh Hoàng Minh P ở Việt Nam mà không cung cấp được địa chỉ cụ thể của anh P ở nước ngoài cho Tòa án. Theo yêu cầu của chị G, Tòa án đã xác minh địa chỉ của anh P ở nước ngoài thông qua bố mẹ đẻ của anh P là ông Hoàng Văn T và bà Bùi Thị T.

Thân nhân của anh Hoàng Minh P là ông Hoàng Văn T và bà Bùi Thị T cung cấp thông tin như sau: hiện tại ông bà vẫn thường xuyên liên lạc với anh P nhưng ông bà không biết địa chỉ cụ thể của anh P ở nước ngoài vì anh P không nói cho ông bà được biết. Do vậy, ông bà không thể cung cấp được địa chỉ cụ thể hiện nay của anh P cho Tòa án được. Ông T, bà T cũng nhất trí nhận thay anh P các văn bản tố tụng và thông báo về nội dung các văn bản tố tụng của Tòa án cho anh P biết. Căn cứ Nghị quyết 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán - Tòa án nhân dân Tối cao về việc hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình và Công văn số

253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn về việc giải quyết vụ án ly hôn có bị đơn là người Việt Nam ở nước ngoài nhưng không rõ địa chỉ, xác định đây là trường hợp bị đơn cố tình giấu địa chỉ, Tòa án giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

- Về con chung: hồ sơ vụ án thể hiện trong thời kỳ hôn nhân chị Hoàng Thị Phương G và anh Hoàng Minh P có 01 con chung là cháu Hoàng Khánh L, sinh ngày 29/01/2015. Khi ly hôn chị G đề nghị Tòa án giao cháu L cho anh Hoàng Minh P trực T chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Hiện nay anh P đang ở nước ngoài, chị G đề nghị Tòa án tạm giao cháu L cho ông Hoàng Văn T và bà Bùi Thị T (bố mẹ đẻ anh P) chăm sóc, nuôi dưỡng cháu L trong thời gian anh P ở nước ngoài cho đến khi anh P trở về Việt Nam. Xét thấy: cả chị G và anh P hiện tại đều đang ở nước ngoài, còn cháu L thì đang sống cùng với ông Hoàng Văn T và bà Bùi Thị T (bố mẹ đẻ anh P). Tại đơn trình bày nguyện vọng của mình cháu L có mong muốn được ở với bố sau khi bố mẹ ly hôn. Ông Hoàng Văn T và bà Bùi Thị T cũng hoàn toàn nhất trí với quan điểm về con chung của chị G và đề nghị Tòa án tạm giao cháu L cho ông bà được T tục chăm sóc, nuôi dưỡng trong thời gian anh P ở nước ngoài. Do vậy, để cháu L được đảm bảo phát triển một cách đầy đủ và tốt nhất thì cần giao cháu L cho anh Hoàng Minh P chăm sóc, nuôi dưỡng sau khi chị G và anh P ly hôn. Trong thời gian anh P ở nước ngoài thì ông Hoàng Văn T và bà Bùi Thị T vẫn T tục chăm sóc, nuôi dưỡng cháu L đến khi anh P trở về Việt Nam là phù hợp.

- Về cấp dưỡng nuôi con: chị G tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung là 2.000.000đ (Hai triệu đồng)/tháng cho đến khi cháu L đủ 18 tuổi.

- Về tài sản chung, công nợ và công sức đóng góp: chị Hoàng Thị Phương G không đề nghị giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[3] Về án phí ly hôn sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con: chị Hoàng Thị Phương G phải chịu theo quy định của pháp luật.

[4] Về quyền kháng cáo đối với Bản án: các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 123 và Điều 127 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 228; khoản 1 Điều 238; khoản 1, 2 Điều 479 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Hoàng Thị Phương G.

[1] Về quan hệ hôn nhân: chị Hoàng Thị Phương G được ly hôn với anh Hoàng Minh P.

[2] Về con chung: Giao cháu Hoàng Khánh L, sinh ngày 29/01/2015 cho anh Hoàng Minh P trực T chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Trong thời gian anh P ở nước ngoài, tạm giao cháu L cho ông Hoàng Văn T và bà Bùi Thị T T tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu L cho đến khi anh P về nước sẽ bàn giao lại cháu L cho anh P nuôi dưỡng.

Chị Hoàng Thị Phương G tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung là 2.000.000đ (Hai triệu đồng)/01 tháng cho đến khi cháu L đủ 18 tuổi. Phương thức cấp dưỡng định kỳ hàng tháng.

Chị Hoàng Thị Phương G có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

[3] Về tài sản chung, công nợ, công sức đóng góp: không đặt ra xem xét giải quyết.

[4] Về án phí ly hôn sơ thẩm: chị Hoàng Thị Phương G phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí cấp dưỡng nuôi con. Xác nhận chị Hoàng Thị Phương G (do anh Phạm Tiến Đạt nộp thay) đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0000280 ngày 16/4/2024 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh A. Chị Hoàng Thị Phương G còn phải nộp số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng).

[5] Về quyền kháng cáo đối với Bản án: đương sự có mặt ở Việt Nam có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ. Các đương sự ở nước ngoài có quyền kháng cáo trong hạn 01 tháng kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6,7a,7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh A;
- Cục THADS tỉnh A;
- UBND xã Đ;
- Các đương sự;
- Lưu: HS - AV.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Việt Anh

